

Số: 200../QĐ - YDHP

Hải Phòng, ngày 15 tháng 01 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc xử lý học vụ học kỳ I năm học 2024 - 2025

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG

Căn cứ Quyết định số 06/1999/QĐ – TTg ngày 25-01-1999 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập trường Đại học Y Dược Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 2153/QĐ – TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc đổi tên Trường Đại học Y Hải Phòng thành Trường Đại học Y Dược Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 712/QĐ – YDHP ngày 15/6/2021 của trường Đại học Y Dược Hải Phòng về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học trường Đại học Y Dược Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 801/QĐ – YDHP ngày 02/7/2021 của trường Đại học Y Dược Hải Phòng về việc ban hành Quy chế công tác sinh viên trường Đại học Y Dược Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 1945/QĐ – YDHP ngày 26/10/2022 của trường Đại học Y Dược Hải Phòng về việc Cập nhật và điều chỉnh Quy chế Đào tạo Đại học – lần 1;

Căn cứ Quyết định số 2860/QĐ – YDHP ngày 30/12/2022 của trường Đại học Y Dược Hải Phòng về việc ban hành Quy định quản lý sinh viên người nước ngoài đang học tập tại trường.

Căn cứ kết quả học tập học kỳ I năm học 2024 - 2025 của sinh viên hệ chính quy;

Căn cứ biên bản họp Hội đồng Khen thưởng kỷ luật và giải quyết chế độ chính sách cho sinh viên ngày 14/01/2025;

Theo đề nghị của Bà trưởng phòng Quản lý Đào tạo Đại học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Xử lý học vụ học kỳ I năm học 2024 - 2025 đối với 54 sinh viên hệ chính quy (có danh sách cụ thể kèm theo).

Điều 2: Các Khoa/Phòng ban/Bộ môn, các cố vấn học tập, giáo viên chủ nhiệm có trách nhiệm tư vấn, hướng dẫn, hỗ trợ sinh viên điều chỉnh đăng ký học phần để hoàn thành chương trình học đúng tiến độ.

Điều 3: Các Ông (Bà) Trưởng phòng Quản lý Đào tạo Đại học, các Khoa/Phòng ban/Bộ môn/Trung tâm liên quan và sinh viên có tên trong điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này kể từ ngày ban hành.

Nơi nhận:

- Như điều 3 (để thực hiện);
- Gia đình sinh viên (để thông báo);
- Lưu: VT, QLĐTĐH.

15 HIỆU TRƯỞNG



PHÓ HIỆU TRƯỞNG

PGS. TS. Đinh Thị Thanh Mai

DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ XỬ LÝ HỌC VỤ HỌC KỲ I NĂM HỌC 2024 - 2025
(Kèm theo Quyết định số: 200/QĐ - YDHP, ngày 15 tháng 01 năm 2025)

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Lớp	Điểm 10	Điểm 4	Điểm 10	Điểm 4	SV năm	Số TC tích	Số TC	Mức XLHV	Ghi chú
1	2450000247	MA THỊ	HUỆ	03/07/2006	ĐDCQ.K20B	2.38	0.38	4.34	1.00	1	5	8	Cảnh cáo học vụ lần 1	
2	2450000102	NGUYỄN THỊ	HƯƠNG	17/03/2006	ĐDCQ.K20B	2.23	0.23	4.40	1.00	1	3	10	Cảnh cáo học vụ lần 1	
3	2450000073	PHẠM MAI	QUỲNH	26/12/2006	ĐDCQ.K20C	3.56	0.58	5.24	1.50	1	5	8	Cảnh cáo học vụ lần 1	
4	2450000212	LỤC THANH	THÚY	24/05/2006	ĐDCQ.K20C	2.96	0.65	5.48	1.70	1	5	8	Cảnh cáo học vụ lần 1	
5	2450000018	LÊ NAM	KHÁNH	21/11/2006	ĐDCQ.K20D	4.38	0.62	5.58	1.60	1	5	8	Cảnh cáo học vụ lần 1	
6	2450000245	VŨ THỊ YẾN	NHI	17/12/2006	ĐDCQ.K20D	2.12	0.58	4.60	1.25	1	6	7	Cảnh cáo học vụ lần 1	
7	2450000186	NGUYỄN THỊ THÚY	QUỲNH	01/12/2006	ĐDCQ.K20D	04.06	0.46	4.78	1.20	1	5	8	Cảnh cáo học vụ lần 1	
8	2456010049	Nguyễn Hồng	Ngọc	19/11/2006	KTXNYHK16A	4.12	0.69	5.4	1.8	1	1	5	Cảnh cáo học vụ lần 1	
9	2456010075	HOÀNG PHƯƠNG	LINH	30/09/2006	KTXNYH.K16B	3.21	0.81	6	2.1	1	5	8	Cảnh cáo học vụ lần 1	
10	2356010018	PHẠM MINH	HIẾU	31/07/2005	KTXNYH.K15	0	0	5.78	1.83	2	20	20	Cảnh cáo học vụ lần 1	
11	2256010006	TRẦN HẢI	TÂM	13/05/2004	KTXNYH.K15	5.33	1.67	5.63	1.75	2	24	37	Cảnh cáo học vụ lần 1	
12	1952010120	Manichanh	ALIYA	02/03/2000	D.K8.B	5.74	1.67	5.21	1.58	5	93	26	Cảnh cáo học vụ lần 4	
13	2152010158	KINNAVONG	THINNAKONE	10/08/2002	DƯỠC.K10A	3.65	0.6	5.2	1.5	4	16	39	Cảnh cáo học vụ lần 3	
14	2152010157	KEOHONGKHAM	YOUY	20/02/2002	DƯỠC.K10B	04.05	1	4.96	1.48	4	33	30	Cảnh cáo học vụ lần 2	
15	2252010156	CHANTHASOUK	THIPKESONE	23/06/2004	DƯỠC.K11A	4.82	01.05	4.98	1.42	3	38	31	Cảnh cáo học vụ lần 2	
16	2252010157	LATTANAVONG	SOUVINA	03/05/2003	DƯỠC.K11B	4.69	1.1	05.04	1.49	3	37	35	Cảnh cáo học vụ lần 2	
17	2352010140	NGUYỄN QUANG	DƯƠNG	10/07/2005	DƯỠC.K12B	2.91	1.19	5.8	1.82	2	31	19	Cảnh cáo học vụ lần 1	
18	2051010323	Trần Đình	Hiếu	25/11/2001	YDK.K42 H	4.77	1.72	5.8	1.95	4	114	29	Cảnh cáo học vụ lần 2	
19	2151010397	TRIỆU HÀ	MY	18/04/2003	YDK.K43D	4.39	1.26	5.38	1.64	4	89	27	Cảnh cáo học vụ lần 1	
20	2151010516	THIPSAVANH	XAYALATH	08/09/2002	YDK.K43G	3.71	0.84	5.27	1.6	4	89	28	Cảnh cáo học vụ lần 2	
21	2151010506	VONGPHACHANH	SOMSANITH	15/03/2000	YDK.K43H	2.1	0.33	5.23	1.56	4	69	40	Cảnh cáo học vụ lần 4	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Lớp	Điểm 10	Điểm 4	Điểm 10	Điểm 4	SV năm	Số TC tích	Số TC	Mức XLHV	Ghi chú
22	2151010504	XAYSOMBATH	PANYAXAY	10/02/2003	YDK.K43C	4.28	01.08	5.25	1.64	4	84	33	Cảnh cáo học vụ lần 5	
23	2151010496	PHAIMANYVONG	SABAIKHAM	08/10/2002	YDK.K43G	2.9	0.55	4.7	1.23	4	52	29	Cảnh cáo học vụ lần 5	
24	2151010507	LORBLIAYAO	KEO	10/11/2000	YDK.K43H	2.58	0.43	5.28	1.56	4	63	45	Cảnh cáo học vụ lần 5	
25	2251010415	VŨ MINH	HIỂN	14/01/2004	YK.44F	4.47	0.69	5.45	1.65	2	70	17	Cảnh cáo học vụ lần 1	
26	2251010347	NGUYỄN QUỲNH	CHI	15/08/2004	YK.44G	3.89	0.86	5.17	1.54	2	61	26	Cảnh cáo học vụ lần 2	
27	2251010482	LATHCHAMPATHONG	KETKEO	05/04/2004	YK.44G	4.18	0.95	5.13	1.53	2	59	25	Cảnh cáo học vụ lần 2	
28	2251010479	LATTANAVONG	PHONETHITA	09/12/2003	YK.44G	4.32	0.93	4.76	1.24	2	56	31	Cảnh cáo học vụ lần 2	
29	2251010370	Ma Đức	Anh	18/07/2003	YK.44H	4.61	1.19	4.98	1.43	2	56	25	Buộc thôi học	
30	2351010214	NGUYỄN THỊ THU	THỦY	28/10/2005	YK.45A	2.71	0.48	5.69	1.8	2	42	12	Cảnh cáo học vụ lần 1	
31	2351010298	ĐÌNH NGỌC	TIẾN	12/09/2004	YK.45C	3.49	0.81	5.88	2	2	38	16	Cảnh cáo học vụ lần 1	
32	2351010328	HÀ ANH	DƯƠNG	29/01/2004	YK.45D	2.5	0.71	5.81	1.9	2	30	22	Cảnh cáo học vụ lần 2	
33	2351010270	PHAN ĐĂNG HOÀNG	NGỌC	06/07/2005	YK.45D	4.2	0.64	4.87	1.3	2	32	22	Cảnh cáo học vụ lần 1	
34	2351010544	THAMMAVONGSA	DAMNGERN	14/08/2004	YK.45F	4.61	1.17	4.88	1.37	2	23	31	Cảnh cáo học vụ lần 2	
35	2351010483	TRẦN TIẾN	ĐẠT	18/03/2005	YK.45F	4.6	0.81	5.25	1.62	2	34	20	Cảnh cáo học vụ lần 1	
36	2351010409	PHAN TRỌNG	NGHĨA	09/08/2005	YK.45F	4.72	0.93	4.93	1.43	2	34	20	Buộc thôi học	
37	2351010539	VONGVILAIKAK	BOUNPASONG	07/11/2003	YK.45G	4.42	0.74	5.23	1.45	2	22	32	Cảnh cáo học vụ lần 5	
38	2351010542	KHANIKEO	ANOULUCK	17/03/2005	YK.45H	4.28	0.57	5.8	1.93	2	20	33	Cảnh cáo học vụ lần 2	
39	2155010081	LIRAVANH	ON ANONG	21/01/2002	RHM.K13	1.7	0	5.13	1.5	1	27	23	Cảnh cáo học vụ lần 3	
40	2155010080	CHITSANYA	KAINOUD	03/11/2003	RHM.K13	7.7	3	5.55	1.76	2	47	37	Cảnh cáo học vụ lần 5	
41	2455010113	PHOMMACHAK	MANOTHITTIYA	12/06/2005	RHM.K16A	1.32	0.2	4.3	1	1	1	4	Cảnh cáo học vụ lần 1	
42	2455010109	VŨ QUỲNH	ANH	23/06/2006	RHM.K16A	02.09	0.63	5.22	1.58	1	6	9	Cảnh cáo học vụ lần 1	
43	2451150138	PHÙNG MINH	HẰNG	07/05/2006	YHCT.K10A	2.84	0.46	4.55	1	1	6	7	Cảnh cáo học vụ lần 1	
44	2451150049	BÙI TRÍ	DŨNG	22/04/2006	YHCT.K10A	2.56	0.81	5.55	1.75	1	6	7	Cảnh cáo học vụ lần 1	
45	2451150003	TRIỆU TUẤN	MINH	23/01/2006	YHCT.K10A	2.52	0.81	5.45	1.75	1	6	7	Cảnh cáo học vụ lần 1	
46	2451150062	NGUYỄN TRỌNG	BẰNG	30/10/2006	YHCT.K10A	3.53	0.92	5.95	2	1	6	7	Cảnh cáo học vụ lần 1	



STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Lớp	Điểm 10	Điểm 4	Điểm 10	Điểm 4	SV năm	Số TC tích	Số TC	Mức XLHV	Ghi chú
47	2451150079	VŨ NHẬT QUANG	HUY	19/06/2006	YHCT.K10B	1.66	0	0	0	1	0	13	Cảnh cáo học vụ lần 1	
48	2451150124	MẠC KIM PHÚ	VINH	22/07/2006	YHCT.K10B	1.85	0.23	4.1	1	1	3	10	Cảnh cáo học vụ lần 1	
49	2451150141	TRẦN TUẤN	KIỆT	11/02/2006	YHCT.K10B	2.72	0.46	4.35	1	1	6	7	Cảnh cáo học vụ lần 1	
50	2151150036	NGUYỄN DUY	NAM	09/07/2003	YHCT.K7	4.53	1.61	5.82	1.88	3	78	33	Cảnh cáo học vụ lần 1	
51	2251150059	MAI VIỆT	HUY	08/11/2004	YHCT.K8	4.93	1.31	5.26	1.56	2	56	26	Cảnh cáo học vụ lần 1	
52	2351100039	NGUYỄN TRỌNG	TRƯỜNG	07/08/2005	YHDP.K17	4.26	0.72	4.98	1.42	2	30	17	Cảnh cáo học vụ lần 1	
53	1951010608	Keobouasay	THIPPHAMY	4/11/1999	Lào K1	3.87	1.07	5.53	1.68	6	110	39	Cảnh cáo học vụ lần 3	
54	2001010028	XAYXANAVONG	THANOUHAK	07/01/2002	YKLAO_K2	6.95	2.67	6.24	2.24	4	118	31	Cảnh cáo học vụ lần 3	

NGƯỜI LẬP



Nguyễn Thị Quỳnh Nhung

PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC



TRƯỞNG PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC
PGS. TS. Nguyễn Thị Thắm

Ký HIỆU TRƯỞNG



PHÓ HIỆU TRƯỞNG

PGS. TS. Đinh Thị Thanh Mai